

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 364/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 19/6/2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

**1. Ông Lê Văn Minh.**

**2. Ông Nguyễn Bền.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 768/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Cao Quốc C**, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ C**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Đăng ký thường trú: Ấp H, xã N, huyện L, Vĩnh Long.

Tạm trú: Ấp T, xã K, huyện C, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Cao Quốc C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim,*

huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 01/6/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, hay cãi vã, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho ông ly hôn với bà C.

- Về con chung: Có 03 con tên Cao Mỹ Hoa Trân, sinh năm 1997 (đã trưởng thành), Cao Nhựt Đăng Khoa, sinh ngày 12/01/2005 và Cao Kỳ Duyên, sinh ngày 20/8/2008. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khoa và cháu Duyên, không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Mỹ C vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, bà C cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông C trình bày vợ chồng chung sống vào năm 1997, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2005. Đến năm 2012 vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Về con chung: Ông C yêu cầu được nuôi cháu Khoa, bà C nuôi cháu Duyên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề còn lại, ông C vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như đã trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng. Về nội dung: Do ông C, bà C có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ năm 2012 mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng bà C cũng vắng mặt chứng tỏ bà không có ý hàn gắn với ông C, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông C ly hôn với bà C. Về con chung: Do ông C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, ông C có nơi ở và thu nhập ổn định, theo biên bản lấy lời khai thì nguyện vọng của cháu Khoa là được sống với ông C, cháu Duyên sống với bà C nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Khoa của ông C, bà C nuôi cháu Duyên. Tại phiên tòa, ông C không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung, cũng không đồng ý cấp dưỡng, đồng thời bà C vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Cao Quốc C khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ C yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông C và bà C là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bà Nguyễn Thị Mỹ C vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Cao Quốc C và bà Nguyễn Thị Mỹ C sống chung năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 01/6/2005 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về công việc. Ông C yêu cầu được ly hôn, bà C vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, ông Cao Quốc C và bà Nguyễn Thị Mỹ C có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ năm 2012. Trong thời gian ly thân, ông bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng bà C cũng vắng mặt chứng tỏ bà không có ý hàn gắn với ông C. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông C được quyền ly hôn với bà C.

[4] Về con chung: Có 03 con tên Cao Mỹ Hoa Trân, sinh năm 1997 (đã trưởng thành), Cao Nhựt Đăng Khoa, sinh ngày 12/01/2005 và Cao Kỳ Duyên, sinh ngày 20/8/2008, hiện đang sống chung với ông C. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khoa, bà C nuôi cháu Duyên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Khoa và cháu Duyên do ông C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, ông C có nơi ở và thu nhập ổn định, tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai thì nguyện vọng của cháu Khoa là được sống với ông C, cháu Duyên sống với bà C nên cần giao cháu Khoa cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, cháu Duyên cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung, cũng không đồng ý cấp dưỡng, đồng thời bà C vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Quốc C.

1. Về hôn nhân: Cho ông Cao Quốc C được quyền ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ C.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Nhật Đăng Khoa, sinh ngày 12/01/2005 cho ông Cao Quốc C là người trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Cao Kỳ Duyên, sinh ngày 20/8/2008 cho bà Nguyễn Thị Mỹ C là người trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Ông Cao Quốc C phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 01529 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- C cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Kim;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Lê Huy Vũ**